

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 27-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Trí.

Ông Nguyễn Văn Sài.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Phù Trung Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức S (tên gọi khác: Không có) sinh ngày 20 tháng 8 năm 1985 tại huyện T, thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 32, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Vợ: Đỗ Trà M, sinh năm 1986; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 10/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2017 của Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về kinh doanh hàng hóa nhập lậu, bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa tiền sự; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nông Văn Đ (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 18 tháng 4 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 218, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm

1954; vợ: Phùng Như Y, sinh năm 1995; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 00209/QĐ-XPVPHC ngày 01/5/2008 của Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về thương mại, bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa tiền sự; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Kiều H (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 21 tháng 9 năm 1978 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú: Số 304, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; vợ: Vũ Thị P, sinh năm 1983; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 43/QĐ-XPVPHC ngày 30/01/2016 của Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa tiền sự; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hoàng Phi C (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 22 tháng 01 năm 1985 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và bà Lâm Thị D, sinh năm 1959; vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1987; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 01/QĐ-XPVC ngày 19/6/2019 của Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; nhân thân: Quyết định số 48/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2017 của Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa tiền sự; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Lê Đình H (tên gọi khác: Không có) sinh ngày 06 tháng 9 năm 1969 tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 2, khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; vợ: Trần Thị M (đã chết); con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 1423 ngày 31/10/1991 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo 5 năm tù giam về tội “Vi phạm Luật lệ giao thông gây hậu quả nghiêm trọng” bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa án tích; bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ

luật; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Anh Phan Văn C, vắng mặt.

+ Anh Phan Văn T, vắng mặt.

+ Anh Bùi Diễn T, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hùng T, vắng mặt

Người chứng kiến: Anh Trần Văn T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Kiều H, Trần Văn T, sinh năm 1979 và Phan Văn T, sinh năm 1970 cùng trú tại: Đội 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là những người thuê phòng trọ của anh Phan Văn C, sinh năm 1970, trú tại số 304, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để hàng ngày đi bốc vác hàng hóa qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Khoảng 00 giờ ngày 08/01/2020 Nguyễn Kiều H đi từ phòng mình sang phòng của Trần Văn T và Phan Văn T để nói chuyện, uống nước, khi đó trong phòng có Hoàng Phi C, Lê Đình H. Sau khi nói chuyện được một lúc Nguyễn Kiều H, Hoàng Phi C và Lê Đình H cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “Sâm”, cách thức chơi, sử dụng 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài có sẵn trong phòng, rồi chia bài cho mỗi người 10 lá bài còn thừa 02 lá bài thì úp trước mặt những người cùng chơi, tiếp đó người chia bài được đánh lá bài đầu tiên, từ phải qua trái, nếu ai đánh hết quân bài trên tay của mình trước thì người đó thắng; người thắng được thu tiền của những người chơi còn lại người nào còn bao nhiêu lá bài trên tay thì tính mỗi lá bài 10.000đồng, ngoài ra trong ván bài đó có người báo “Sâm” tức là đánh hết quân bài không có ai chặn lại được thì sẽ được thu tiền của những người còn lại 200.000 đồng, ngược lại nếu có người chặn lại được thì người báo “Sâm” phải bỏ tiền ra đền cho những người còn lại 200.000 đồng, người thắng của ván trước sẽ tráo bài và chia bài cho mọi người ở ván sau. Khi cả ba người chơi được một lúc thì có Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ đến cùng tham gia đánh bạc đến hồi 00 giờ 50 phút thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- Số tiền thu trên chiếu bạc 9.540.000 (chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá bài; 01 chiếu tre đã qua sử dụng kích thước 1,6 x 2m; 01 chăn len mỏng có nhiều màu sắc và họa tiết khác nhau đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Lê Đình H: Số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, số IMEL1: 359046085181325, IMEL2: 359046085181350 trong máy của lắp sim 03775500***.

- Tạm giữ của Nguyễn Đức S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu vàng, có số IMEL1: 357226098624604, IMEL2: 357226098657372 trong máy có lắp sim 0985999***.

- Tạm giữ của Nông Văn Đ: 3.505.000 (ba triệu năm trăm linh năm nghìn) đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đỏ, có số IMEL: 358629090348792 trong máy có lắp sim thuê bao 0984905***.

- Tạm giữ của Hoàng Phi C: Số tiền 4.490.000 (bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng, 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu vàng, có IMEI1: 867453032953237, IMEL2: 867453032953229 trong máy có lắp sim 0368093***; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu xanh, có IMEI1: 869563045715171, IMEL2: 869563045715163 trong máy có lắp sim 0972399***.

- Tạm giữ của Nguyễn Kiều H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen có số IMEI: 3565680816800718 trong máy có lắp sim 0965224***.

Tại Kết luận giám định số 96/KLGD-PC09 ngày 03/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền thu giữ trên chiếu bạc và thu giữ của các bị cáo là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-P2 ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H, Hoàng Phi C, Lê Đình H tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Đình H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Hoàng Phi C.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H, Lê Đình H, Nông Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Phi C từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của các bị cáo giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Lê Đình H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của các bị cáo giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Đình H, Hoàng Phi C vì các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản đảm bảo cho việc thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập và cũng không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Lê Đình H, Hoàng Phi C vì các bị cáo còn phải lao động nuôi sống bản thân và gia đình.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.540.000 (chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng thu trên chiếu bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu tre đã qua sử dụng kích thước 1,6 x 2m; 01 chăn len mỏng có nhiều màu sắc và họa tiết khác nhau đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Nông Văn Đ số tiền 3.505.000 (ba triệu năm trăm linh năm nghìn) đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Lê Đình H số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng và trả lại cho bị cáo Hoàng Phi C số tiền 4.490.000 (bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trả lại cho các bị cáo Lê Đình H 01 điện thoại di động SamSung, số IMEL1: 359046085181325, IMEL2: 3590460851181350 trong máy của lắp sim 03775500***; bị cáo Nguyễn Đức S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu vàng, có số IMEL1: 357226098624604, IMEL2: 357226098657372 trong máy có lắp sim 0985999***; bị cáo Nông Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đỏ, có số IMEL: 3586290900348792 trong máy có lắp sim thuê bao 0984905***; bị cáo Hoàng Phi C: 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu vàng, có IMEI1: 867453032953237, IMEL2: 867453032953229 trong máy có lắp sim 0368093***; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu xanh, có IMEI1: 869563045715171, IMEL2: 869563045715163 trong máy có lắp sim 0972399***; bị cáo Nguyễn Kiều H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen có số IMEI: 3565680816800718 trong máy có lắp sim 0965224*** vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng các bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 08/01/2020, tại phòng trọ của anh Phan Văn C, sinh năm 1970, trú tại số 304, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Nguyễn Kiều H, Hoàng Phi C, Lê Đình H, Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ đang cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi đánh Sâm thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.540.000 (chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng và các tang vật khác liên quan đến vụ án.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 08/01/2020; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Kiều H, Hoàng Phi C, Lê Đình H, Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ phạm tội Đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo gây ra không những vi phạm quy định về quản lý hành chính của Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra.

[5] Vụ án này là đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, xét về tính chất vai trò tham gia đánh bạc của các bị cáo, các bị cáo đều có vai trò ngang nhau trong vụ án, tuy nhiên các bị cáo Hoàng Phi C, Nguyễn Kiều H, Lê Đình H tham gia đánh bạc từ đầu do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ tham gia đánh bạc sau.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Phi C, Nguyễn Kiều H, Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Lê Đình H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo

đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Lê Đình H còn có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, do đó bị cáo Lê Đình H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Kiều H, Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ đã bị xử phạt vi phạm hành chính đã chấp hành xong đã được xóa tiền sự, bị cáo Lê Đình H có tiền án đã chấp hành xong đã được xóa án tích; bị cáo Hoàng Phi C có tiền sự chưa được xóa tiền sự. Do đó xác định các bị cáo có nhân thân xấu.

[9] Các bị cáo là người lao động tự do làm nghề bốc vác do chưa có hàng nên đã nảy sinh ý định đánh bạc, hành vi đánh bạc của các bị cáo là bột phát, không có người tổ chức, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không lớn, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thật sự hối hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, không bắt các bị cáo đi chấp hành án thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Đối với bị cáo Lê Đình H đã từng bị kết án và đã được xóa án tích, vợ bị cáo đã chết; bị cáo Hoàng Phi C là lao động duy nhất trong gia đình, vợ bị cáo thường xuyên ốm đau; do đó việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Đình H, Hoàng Phi C tại địa phương là phù hợp, để các bị cáo được lao động, chăm sóc cho gia đình và thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, tự giác cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H cùng tham gia đánh bạc có vai trò đồng phạm trong vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, các bị cáo có tài sản nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp.

[10] Đối với các bị cáo bị xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ thời gian các bị cáo bị tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/01/2020) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ ($03 \times 03 = 09$ ngày).

[11] Xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo và các bị cáo cũng không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ vì các bị cáo còn phải lao động nuôi sống bản thân và gia đình.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lê Đình H, Hoàng Phi C không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án, nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về vật chứng: Đối với số tiền 9.540.000 (chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng thu trên chiếu bạc đây là số tiền các bị cáo đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[14] Đối với 01 chiếc tre đã qua sử dụng kích thước 1,6 x 2m; 01 chăn len mỏng có nhiều màu sắc và họa tiết khác nhau đã qua sử dụng, xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[15] Trả lại bị cáo Nông Văn Đ số tiền 3.505.000 (ba triệu năm trăm linh năm nghìn) đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[16] Trả lại cho bị cáo Lê Đình H số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng và trả lại cho bị cáo Hoàng Phi C số tiền 4.490.000 (bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[17] Trả lại cho các bị cáo Lê Đình H 01 điện thoại di động SamSung, số IMEL1: 359046085181325, IMEL2: 3590460851181350 trong máy của lắp sim 03775500***; bị cáo Nguyễn Đức S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu vàng, có số IMEL1: 357226098624604, IMEL2: 357226098657372 trong máy có lắp sim 0985999***; bị cáo Nông Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đỏ, có số IMEL: 3586290900348792 trong máy có lắp sim thuê bao 0984905***; bị cáo Hoàng Phi C: 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu vàng, có IMEI1: 867453032953237, IMEL2: 867453032953229 trong máy có lắp sim 0368093***; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu xanh, có IMEI1: 869563045715171, IMEL2: 869563045715163 trong máy có lắp sim 0972399***; bị cáo Nguyễn Kiều H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen có số IMEI: 3565680816800718 trong máy có lắp sim 0965224*** vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[18] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[20] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Phi C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đình H;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H, Hoàng Phi C, Lê Đình H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Kiều H 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Phi C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 03 ngày bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng Phi C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Lê Đình H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 03 ngày bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Đình H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo Hoàng Phi C, Lê Đình H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Hoàng Phi C, Lê Đình H và các bị cáo không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Phi C, Lê Đình H.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.540.000 (chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng thu trên chiếu bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu tre đã qua sử dụng kích thước 1,6 x 2m; 01 chăn len mỏng có nhiều màu sắc và họa tiết khác nhau đã qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo Nông Văn Đ số tiền 3.505.000 (ba triệu năm trăm linh năm nghìn) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình H số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng và trả lại cho bị cáo Hoàng Phi C số tiền 4.490.000 (bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình H 01 điện thoại di động SamSung, số IMEL1: 359046085181325, IMEL2: 3590460851181350 trong máy của lắp sim 03775500***.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu vàng, có số IMEL1: 357226098624604, IMEL2: 357226098657372 trong máy có lắp sim 0985999***.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đỏ, có số IMEL: 3586290900348792 trong máy có lắp sim thuê bao 0984905***.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Phi C: 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu vàng, có IMEI1: 867453032953237, IMEL2: 867453032953229 trong máy có lắp sim 0368093***; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu xanh, có IMEI1: 869563045715171, IMEL2: 869563045715163 trong máy có lắp sim 0972399***.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Kiều H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen có số IMEI: 3565680816800718 trong máy có lắp sim 0965224***.

(Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2020)

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức S, Nông Văn Đ, Nguyễn Kiều H, Hoàng Phi C, Lê Đình H mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh